

Số: /QĐ-CĐBVN

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1044+800 - Km1045+780 (T), Km1062 - Km1063+877, Km1100+00 - Km1101+317,59; Sửa chữa, bổ sung rãnh thoát nước dọc các đoạn Km1056+700 - Km1057+00 (P), Km1057+080 - Km1057+700 (T), Km1100 - Km1101 (T, P); Sửa chữa, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT cục bộ đoạn Km1027 - Km1125; Sửa chữa hư hỏng các cầu: cầu La Hà Km1062+876 (phần mở rộng 2 bên); cầu Vĩnh Phú 1078+843; cầu Vạt Km1102+217,96; cầu Ông Vân (trái) Km1108+408; cầu Bà Ngàn Km1110+983 (trái, nhánh Tây); cầu Kênh Km1051+556, cầu Tam Thương Km1057+071; Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi.

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công việc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số: 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023, số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 834/BCTĐ-QLBT ngày 31/10/2025 của Phòng Quản lý, bảo trì;

Theo đề nghị của Khu Quản lý đường bộ III tại Tờ trình số 160/TTr-KQLĐBIII ngày 22/10/2025 về việc trình thẩm định, phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1044+800 - Km1045+780 (T), Km1062 - Km1063+877, Km1100+00 - Km1101+317,59; Sửa chữa, bổ sung rãnh thoát nước dọc các đoạn Km1056+700 - Km1057+00 (P), Km1057+080 - Km1057+700 (T), Km1100 - Km1101 (T, P); Sửa chữa, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT cục bộ đoạn Km1027 - Km1125; Sửa chữa hư hỏng các cầu: cầu La Hà Km1062+876 (phần mở rộng 2 bên); cầu Vĩnh Phú 1078+843; cầu Vạt Km1102+217,96; cầu Ông Vân (trái) Km1108+408; cầu Bà Ngàn Km1110+983 (trái, nhánh Tây); cầu Kênh Km1051+556, cầu Tam Thương Km1057+071; Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1044+800 - Km1045+780 (T), Km1062 - Km1063+877, Km1100+00 - Km1101+317,59; Sửa chữa, bổ sung rãnh thoát nước dọc các đoạn Km1056+700 - Km1057+00 (P), Km1057+080 - Km1057+700 (T), Km1100 - Km1101 (T, P); Sửa chữa, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT cục bộ đoạn Km1027 - Km1125; Sửa chữa hư hỏng các cầu: cầu La Hà Km1062+876 (phần mở rộng 2 bên); cầu Vĩnh Phú 1078+843; cầu Vạt Km1102+217,96; cầu Ông Vân (trái) Km1108+408; cầu Bà Ngàn Km1110+983 (trái, nhánh Tây); cầu Kênh Km1051+556, cầu Tam Thương Km1057+071; Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1044+800 - Km1045+780 (T), Km1062 - Km1063+877, Km1100+00 - Km1101+317,59; Sửa chữa, bổ sung rãnh thoát nước dọc các đoạn Km1056+700 - Km1057+00 (P), Km1057+080 - Km1057+700 (T), Km1100 - Km1101 (T, P); Sửa chữa, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT cục bộ đoạn Km1027 - Km1125; Sửa chữa hư hỏng các cầu: cầu La Hà Km1062+876 (phần mở rộng 2 bên); cầu Vĩnh Phú 1078+843; cầu Vạt Km1102+217,96; cầu Ông Vân (trái) Km1108+408; cầu Bà Ngàn Km1110+983 (trái, nhánh Tây); cầu Kênh Km1051+556, cầu Tam Thương Km1057+071; Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi.

2. Địa điểm xây dựng: Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Sửa chữa công trình giao thông đường bộ (đường, ATGT...), nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của Quốc lộ 1 hiện tại (công trình cấp II).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu dự án: Sửa chữa hư hỏng công trình, hoàn thiện hệ thống ATGT nhằm bảo đảm, duy trì khả năng khai thác của tuyến đường và kéo dài tuổi thọ công trình.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp sửa chữa chủ yếu:

8.1. Quy mô, phạm vi

Trên cơ sở hiện trạng các đoạn nền mặt đường bị hư hỏng và hiện trạng hệ thống ATGT, tiến hành xử lý, sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và hoàn thiện hệ thống ATGT trên đoạn tuyến.

8.2. Giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.2.1. Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1044+800 - Km1045+780 (T), Km1062 - Km1063+877, Km1100+00 - Km1101+317,59

a. Sửa chữa mặt đường làn xe cơ giới (từ 02 - 04 làn xe):

- Đối với các đoạn chiều dày lớp bê tông nhựa hiện trạng dày trung bình 13cm: Cào bóc mặt đường BTN hiện hữu dày 13cm (tận dụng 7cm lớp BTN cũ để tái sinh đồng thời với lớp móng cấp phối); đào bỏ móng cấp phối đá dăm dày 8cm, cào bóc tái sinh nguội tại chỗ bằng xi măng 4% chiều dày 20cm; láng nhũ tương nhựa đường axit 02 lớp tiêu chuẩn 2,7 kg/m²; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,5 kg/m², thảm lớp BTNC 19 dày 7cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa) và tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,3 kg/m², thảm lớp BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa). Diện tích sửa chữa khoảng 31.154,8m²;

- Đối với các đoạn chiều dày lớp bê tông nhựa hiện trạng dày trung bình từ 26cm -34cm: Cào bóc mặt đường BTN hiện hữu dày từ 19cm - 27cm; cào bóc tái sinh nguội tại chỗ bằng xi măng 4% chiều dày 20cm (tận dụng 7cm lớp BTN còn lại sau cào bóc kết hợp với lớp cốt liệu cấp phối đá dăm bổ sung dày 13cm); láng nhũ tương nhựa đường axit 02 lớp tiêu chuẩn 2,7 kg/m²; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,5 kg/m², thảm lớp BTNC 19 dày 7cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa) và tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,3 kg/m², thảm lớp BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa). Diện tích sửa chữa khoảng 10.979,9m².

b. Sửa chữa mặt đường làn xe thô sơ (02 làn xe): Cào bóc lớp mặt đường cũ bị hư hỏng dày trung bình 6cm, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn 0,5 kg/m² và hoàn trả lớp BTNC 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa). Diện tích sửa chữa khoảng 308,1m².

8.2.2. Sửa chữa, bổ sung rãnh thoát nước dọc các đoạn Km1056+700 - Km1057+00 (P), Km1057+080 - Km1057+700 (T), Km1100 - Km1101 (T, P)

a) Đoạn Km1056+700 - Km1057+00 (P), Km1057+080 - Km1057+700 (T): Bổ sung rãnh thoát nước dọc để thu nước mặt đường bằng rãnh U lắp ghép kích thước $B=0,6\text{m}$; chiều cao $H=(0,6-1)\text{m}$; chiều dài mỗi đốt rãnh $L=1,5\text{m}$; thân rãnh bằng BTCT 20MPa, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tấm đan BTCT 25MPa kích thước $(1,0 \times 0,84 \times 0,15)\text{m}$. Gia cố từ mép mặt đường đến mép rãnh (rộng trung bình 50cm) bằng BTXM 20MPa dày 20cm, trên lớp cấp phối đá dăm loại II gia cố xi măng 4% dày 15cm;

b) Đoạn Km1100 - Km1101 (T, P): Thay thế các tấm đan bị hư hỏng, nứt vỡ của rãnh U hiện trạng bằng tấm đan BTCT 25MPa dày 15cm lắp ghép kích thước $(0,6 \times 1,0 \times 0,15)$.

8.2.3. Sửa chữa, tăng cường hệ thống ATGT đoạn Km1027 - Km1125

Sửa chữa hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm các công tác sơn vạch kẻ đường; dán màng phản quang trên phần vát đầu dải phân cách giữa; sơn trắng đỏ trên 02 đốt cấu kiện đầu dải phân cách; gắn đỉnh phản quang tim đường; lắp đặt tiêu phản quang; bổ sung các tấm lưới chống chói; bổ sung cọc tiêu tại các vị trí có rãnh hình thang hiện trạng và phạm vi taluy âm chưa có cọc tiêu; bổ sung mắt phản quang gắn trên dải phân cách giữa; nâng dải phân cách giữa cho phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa.

8.2.4. Sửa chữa hư hỏng các cầu: cầu La Hà Km1062+876 (phần mở rộng 2 bên); cầu Vĩnh Phú 1078+843; cầu Vạt Km1102+217,96; cầu Ông Vân (trái) Km1108+408; cầu Bà Ngàn Km1110+983 (trái, nhánh Tây); cầu Kênh Km1051+556, cầu Tam Thương Km1057+071

a. Cầu Tam Thương Km1057+071: Tháo dỡ cầu hiện trạng, hoàn trả kết cấu nền, móng mặt đường theo kết cấu tương đương với phạm vi đường tại hai đầu cầu, đáp ứng yêu cầu mặt đường cấp cao A1. Kết cấu từ trên xuống dưới như sau: Lớp BTNCP 16 dày 6cm, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,3 kg/m²; lớp BTNC 19 dày 7cm, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; láng nhũ tương nhựa đường axit 02 lớp tiêu chuẩn 2,7 kg/m²; lớp CPĐĐ gia cố xi măng 4% dày 20cm + lớp CPĐĐ loại II dày 30cm; lớp đất đắp nền đường $K \geq 0,98$ dày 30cm; lớp đất đắp nền đường $K \geq 0,95$.

b. Cầu Kênh Km1051+556:

- Sửa chữa mặt cầu: Cào bóc lớp phủ mặt cầu dày trung bình 7cm; tưới lớp dính bám bằng nhựa MC70, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm lại mặt cầu bằng BTNCP 16 dày 7cm;

- Sửa chữa các khe co giãn toàn cầu: Thay thế các khe co giãn cũ dạng khe ray bị hỏng bằng khe co giãn thép dạng răng lược với độ dịch chuyển của khe 30mm.

- Sơn phản quang gờ chắn bánh hai màu trắng, đỏ;

- Sửa chữa đường hai đầu cầu: Cào bóc lớp bê tông nhựa đường đầu cầu bị hư hỏng dày 7cm, tưới nhũ tương dính bám 0,5 kg/m²; lớp BTNCP 16 dày 7cm. Phạm vi sửa chữa 100m (phía đầu cầu 50m và phía cuối cầu 50m).

c. Cầu La Hà Km1052+876:

- Sửa chữa mặt cầu: Cào bóc lớp phủ mặt cầu dày trung bình 7cm; tưới lớp dính bám bằng nhựa MC70, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm lại mặt cầu bằng BTNCP 16 dày 7cm.

- Sửa chữa các khe co giãn toàn cầu: Thay thế các khe co giãn ngang cũ dạng khe ray bị hỏng bằng khe co giãn thép dạng răng lược với độ dịch chuyển của khe 30mm. Thay thế khe nối dọc cũ bằng thép bản và thép góc (giữa mặt cầu cũ và mới) bằng khe ray có độ dịch chuyển của khe 20mm và sử dụng vữa không co ngót cốt liệu nhỏ.

- Sửa chữa liên kết ngang: Các vị trí vỡ bê tông liên kết ngang được tô trát lại bằng vữa chuyên dụng.

- Sửa chữa lề bộ hành: Lề bộ hành khác mức bị hỏng được cào bóc lớp gạch vỉa hè cũ và thay thế mới bằng gạch Terrazzo (300x300x30)mm.

- Sửa chữa lan can tay vịn: Lan can tay vịn bằng thép có hiện tượng bung mối hàn và được hàn lại bằng đường hàn 3mm.

- Sơn phản quang gờ chắn bánh và dải phân cách giữa hai màu trắng, đỏ.

d. Cầu Vĩnh Phú Km1078+843:

- Sửa chữa mặt cầu: Cào bóc lớp phủ mặt cầu dày trung bình 7cm; tưới lớp dính bám bằng nhựa MC70, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; Thảm lại mặt cầu bằng BTNCP 16 dày 7cm.

- Sửa chữa các khe co giãn toàn cầu: Thay thế các khe co giãn cũ dạng răng lược (lượn sóng) bị hỏng bằng khe co giãn thép dạng răng lược với độ dịch chuyển của khe 30mm.

- Sơn chống rỉ dầm thép: Cạo rỉ, sơn chống rỉ 01 lớp và sơn phủ 2 lớp bằng sơn epoxy.

- Sơn phản quang gờ chắn bánh hai màu vàng, đen;

- Sửa chữa đường hai đầu cầu: Cào bóc lớp bê tông nhựa đường đầu cầu bị hư hỏng dày 7cm, tưới nhũ tương dính bám 0,5 kg/m²; lớp BTNCP 16 dày 7cm. Phạm vi sửa chữa 45m (phía đầu cầu 5m và phía cuối cầu 40m).

e. Cầu Vặt Km1102+217:

- Sửa chữa mặt cầu: Cào bóc lớp phủ mặt cầu dày trung bình 7cm; tưới lớp dính bám bằng nhựa MC70, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; Thảm lại mặt cầu bằng BTNCP 16 dày 7cm.

- Sửa chữa các khe co giãn toàn cầu: Thay thế các khe co giãn cũ dạng khe ray bị hỏng bằng khe co giãn thép dạng răng lược với độ dịch chuyển của khe 30mm.

- Sửa chữa liên kết ngang: Các vị trí vỡ bê tông liên kết ngang được tô trát lại bằng vữa chuyên dụng.

- Sửa chữa gờ chắn bánh: Các vị trí vỡ bê tông gờ chắn bánh được tô trát lại bằng vữa chuyên dụng.

- Sửa chữa đá kê gối và thay gối: Các gối cao su cầu cũ bị hỏng và được thay thế toàn bộ bằng gối cao su có kích thước (400x250x56)mm, các đá gối cầu bị vỡ góc được tô trát lại bằng vữa chuyên dụng.

- Sửa chữa các vị trí vỡ bê tông xà mũ trụ: Tại các vị trí mặt trên của xà mũ giữa các đá kê gối có hiện tượng nứt, vỡ bê tông, tô trát các vị trí vỡ bê tông bằng vữa chuyên dụng.

- Sửa chữa tứ nón mố: Chân khay tứ nón mố cuối cầu phía hạ lưu bằng bê tông hiện bị vỡ với kích thước (150x90x40)cm, hoàn trả lại chân khay theo kích thước hiện trạng bằng BTXM 20MPa.

- Sơn phản quang gờ chắn bánh hai màu trắng, đỏ;

- Sửa chữa đường hai đầu cầu: Cào bóc lớp bê tông nhựa đường đầu cầu bị hư hỏng dày 7cm, tưới nhũ tương dính bảm 0,5 kg/m²; lớp BTNCP 16 dày 7cm. Phạm vi sửa chữa 100m (phía đầu cầu 50m và phía cuối cầu 50m).

f. Cầu Ông Vân Km1108+408:

- Sửa chữa mặt cầu: Cào bóc lớp phủ mặt cầu dày trung bình 7cm; tưới lớp dính bảm bằng nhựa MC70, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; Thảm lại mặt cầu bằng BTNCP 16 dày 7cm.

- Sửa chữa các khe co giãn toàn cầu: Thay thế các khe co giãn cũ dạng khe ray bị hỏng bằng khe co giãn thép dạng răng lược với độ dịch chuyển của khe 30mm.

- Sửa chữa gờ chắn bánh: Các vị trí vỡ bê tông gờ chắn bánh được tô trát lại bằng vữa chuyên dụng.

- Sơn phản quang gờ chắn bánh hai màu vàng, đen;

- Sửa chữa đường hai đầu cầu: Cào bóc lớp bê tông nhựa đường đầu cầu bị hư hỏng dày 7cm, tưới nhũ tương dính bảm 0,5 kg/m²; lớp BTNCP 16 dày 7cm. Phạm vi sửa chữa 100m (phía đầu cầu 50m và phía cuối cầu 50m).

g. Cầu Bà Ngàn Km1110+893:

- Sửa chữa mặt cầu: Cào bóc lớp phủ mặt cầu dày trung bình 7cm; tưới lớp dính bảm bằng nhựa MC70, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; Thảm lại mặt cầu bằng BTNCP 16 dày 7cm.

- Sửa chữa các khe co giãn toàn cầu: Thay thế các khe co giãn cũ dạng răng lược (lược sóng) bị hỏng bằng khe co giãn thép dạng răng lược với độ dịch chuyển của khe 30mm.

- Sửa chữa các vị trí vỡ bê tông xà mũ trụ: Tại các vị trí mặt trên của xà mũ giữa các đá kê gối có hiện tượng nứt, vỡ bê tông, tô trát các vị trí vỡ bê tông bằng vữa chuyên dụng.

- Sơn phản quang gờ chắn bánh hai màu vàng, đen.

8.2.5 Đảm bảo an toàn giao thông: Thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông và môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế được duyệt).

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 4054 - 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 13567-1:2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- TCVN 13567-2:2022: Lớp mặt đường hỗn hợp nhựa nóng - Thi công nghiệm thu phần 2 - Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường Polyme;

- TCVN 9505:2012: Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường a xít - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13150-1:2020: Lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu - Phần 1 - Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường;
- TCVN 8859:2023: Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô, vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8858:2023: Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 11823:2017: Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 13067:2020: Khe co giãn thép dạng răng lược - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường a xít - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN: Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố còn hiệu lực.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư: 88.986.351.000 đồng.

(Tám mươi tám tỷ, chín trăm tám sáu triệu, ba trăm năm mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	78.456.465.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.493.579.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.360.471.000	đồng
- Chi phí khác:	1.438.391.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	4.237.445.000	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026 (theo kế hoạch được giao).

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách nhà nước);
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo Kế hoạch giao dự toán chi của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án chuyên ngành thực hiện quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

15. Các nội dung khác thuộc trách nhiệm Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư chỉ đạo tư vấn thiết kế tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 834/BCTĐ-QLBT ngày 31/10/2025 của Phòng Quản lý, bảo trì để hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Hoàn thiện chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình để làm cơ sở cập nhật vào hồ sơ mời thầu của dự án.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát chi tiết hiện trường để xác định chính xác vị trí, khối lượng cần sửa chữa, điều chỉnh giải pháp sửa chữa (nếu cần thiết) bảo đảm chất lượng, tiết kiệm kinh phí và hiệu quả đầu tư tổng thể của dự án; tránh trường hợp công trình vừa sửa chữa xong lại phát sinh hư hỏng (đặc biệt là công trình cầu).

- Rà soát kỹ hệ thống ATGT, biển báo, tôn lợp sóng, sơn kẻ đường vv... trước khi thi công các hạng mục này để điều chỉnh, bổ sung (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm công trình được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý và an toàn trong khai thác, sử dụng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trong các bước tiếp theo, Khu Quản lý đường bộ III và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư tổ chức quản lý chặt chẽ chất lượng công trình từ bước lựa chọn Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát đủ năng lực theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

2. Trên cơ sở Quyết định này, Chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành và căn cứ vào khối lượng thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các căn cứ pháp lý khác có liên quan. Trong đó lưu ý: căn cứ thời gian thực hiện, nghiệm thu, thanh toán đối với từng khối lượng, hạng mục công việc để chiết giảm thuế VAT và một số phí, lệ phí có liên quan theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các Phòng Kế hoạch – Tài chính; Quản lý, bảo trì; Giám đốc Khu Quản lý đường bộ III và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục trưởng (báo cáo);
- Kho Bạc Nhà nước khu vực;
- Lưu VT, QLBT (NVN).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Thắng

